

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT
VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021	7 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021	9 - 10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021	11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021	12 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2021 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên** do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp, Mã số doanh nghiệp **3800100513**; đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 28 tháng 8 năm 2019.

Vốn điều lệ : 244.500.000.000 Đồng

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh:

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 725 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại : (0271) 387 0296

Fax : (0271) 387 0318

Mã số thuế : 3 8 0 0 1 0 0 5 1 3

Khách sạn Bombo – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước

Địa chỉ : Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Mã số thuế : 3 8 0 0 1 0 0 5 1 3 – 0 0 1

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Chủ tịch Công ty

Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương đã hết thời hạn giữ chức vụ kiểm soát viên theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước về việc bổ nhiệm lại bà Nguyễn Thị Thanh Hương giữ chức vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xổ sổ kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước, thời hạn bổ nhiệm lại là 03 năm kể từ ngày 12/5/2018 đến 12/5/2021. Công ty đang trình Chủ sở hữu bổ nhiệm thành viên mới cho vị trí này.

Ban Điều hành

- | | | |
|--------|------------------|--|
| 1. Ông | Nguyễn Đăng Khoa | Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 2. Ông | Trần Văn Sang | Phó Giám đốc |
| 3. Ông | Nguyễn Xuân Cử | Kế toán trưởng |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2021 của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2021 kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Một thành viên Xổ sổ Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 39.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Công ty đã điều chỉnh Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 theo Công văn số 603/UBND-KGVX ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc tiếp nhận và phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Công ty TNHH MTV Xổ sổ kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DV TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2021 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



Giám đốc - Nguyễn Đăng Khoa

Bình Phước, ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DVTH BÌNH PHƯỚC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ sổ Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2021 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về

hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2021 kết thúc cùng ngày.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0486-2018-124-1*

Kiểm toán viên – Lê Ân Thoa

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4705-2019-124-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		488.114.311.358	565.137.064.397
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		278.334.607.456	366.036.087.471
111	1. Tiền	V.1	74.546.978.226	211.048.403.334
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	203.787.629.230	154.987.684.137
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		84.177.169.327	77.350.955.593
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	84.177.169.327	77.350.955.593
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		111.109.256.901	111.697.431.510
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	109.680.051.566	109.083.194.454
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	583.500.000	1.459.820.858
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	845.705.335	1.154.266.198
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	150.000
140	IV. Hàng tồn kho		2.919.629.685	3.535.725.516
141	1. Hàng tồn kho	V.7	2.919.629.685	3.535.725.516
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.573.647.989	6.516.864.307
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	9.455.505.023	6.510.499.513
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.9	2.118.142.966	6.364.794
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		106.979.754.114	111.378.380.616
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.000.000	22.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.10	22.000.000	22.000.000
220	II. Tài sản cố định		92.964.287.786	97.209.570.692
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	78.449.356.538	82.352.212.647
222	- Nguyên giá		128.574.917.554	134.880.298.651
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50.125.561.016)	(52.528.086.004)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	14.514.931.248	14.659.337.500
228	- Nguyên giá		15.630.750.000	15.630.750.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.115.818.752)	(971.412.500)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	-	198.020.545
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		12.500.000.000	12.500.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.14	12.500.000.000	12.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.493.466.328	1.646.809.924
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.15	1.493.466.328	1.646.809.924
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		595.094.065.472	676.515.445.013

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		279.094.065.472	432.015.445.013
310	I. Nợ ngắn hạn		219.394.065.472	359.178.890.113
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	1.271.262.798	1.476.264.664
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	1.188.469.916	11.650.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	161.849.249.215	282.422.991.754
314	4. Phải trả người lao động	V.19	4.497.517.859	9.934.006.836
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	122.958.904	86.794.520
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.21	224.589.994	340.809.124
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22	30.000.000.000	50.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.23	20.240.016.786	14.906.373.215
330	II. Nợ dài hạn		59.700.000.000	72.836.554.900
342	1. Dự phòng rủi ro trả thường	V.24	59.700.000.000	72.836.554.900
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		316.000.000.000	244.500.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.25	316.000.000.000	244.500.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.25.1	244.500.000.000	244.500.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.25.2	71.500.000.000	-
420	3. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.25.2	-	-
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		-	-
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		595.094.065.472	676.515.445.013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.752.216.046	1.752.216.046
	2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		198.189.970.926	179.432.525.106
	3. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		99.340.000.000	98.025.000.000

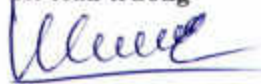
Thành phố Đồng Xoài, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Phan Thị Lan Chi

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Cử

Giám đốc




Nguyễn Đăng Khoa

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	VI.26	1.834.067.619.822	2.237.315.086.177
01.1	1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số		1.827.566.390.908	2.223.947.945.455
01.1.1	1.1.1 Xổ số truyền thống		1.811.971.290.909	2.204.265.045.454
01.1.2	1.1.2 Xổ số tự chọn		15.595.099.999	19.682.900.001
01.2	1.2 Doanh thu khác		1.416.399.011	826.045.441
01.3	1.3 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.084.829.903	12.541.095.281
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.26	238.378.224.902	290.080.166.796
02.1	2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		238.378.224.902	290.080.166.796
02.1.1	2.1.1 Xổ số truyền thống		236.344.081.423	287.512.832.014
02.1.2	2.1.2 Xổ số tự chọn		2.034.143.479	2.567.334.782
02.2	2.2 Giảm trừ doanh thu khác		-	-
02.3	2.3 Giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
10	3. Doanh thu thuần	VI.26	1.595.689.394.920	1.947.234.919.381
10.1	3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		1.589.188.166.006	1.933.867.778.659
10.1.1	3.1.1 Xổ số truyền thống		1.575.627.209.486	1.916.752.213.440
10.1.2	3.1.2 Xổ số tự chọn		13.560.956.520	17.115.565.219
10.2	3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác		1.416.399.011	826.045.441
10.3	3.3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.084.829.903	12.541.095.281
11	4. Chi phí kinh doanh	VI.27	1.206.269.955.536	1.588.051.230.083
11.1	4.1 Chi phí kinh doanh xổ số		1.199.017.448.579	1.578.078.192.069
11.1.1	4.1.1 Chi phí trả thưởng		857.408.139.000	1.152.054.696.000
11.1.2	4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		341.609.309.579	426.023.496.069
11.2	4.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp		7.252.506.957	9.973.038.014

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
20	5. Lợi nhuận gộp		389.419.439.384	359.183.689.298
20.1	5.1 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh số		390.170.717.427	355.789.586.590
20.2	5.2 Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.167.677.054)	2.568.057.267
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.28	11.882.032.388	13.330.566.201
22	7. Chi phí tài chính	VI.29	3.753.863.013	3.794.849.315
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.753.863.013	3.794.849.315
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.30	108.280.633.865	126.063.227.400
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		289.266.974.894	242.656.178.784
31	10. Thu nhập khác	VI.31	13.446.098.805	264.979.470
32	11. Chi phí khác	VI.32	1.783.680.207	793.790.406
40	12. Lợi nhuận khác		11.662.418.598	(528.810.936)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		300.929.393.492	242.127.367.848
51	14. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.33	62.583.759.623	49.769.342.087
60	15. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		238.345.633.869	192.358.025.761

Thành phố Đồng Xoài, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phan Thị Lan Chi



Nguyễn Xuân Cừ



Nguyễn Đăng Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.727.596.982.628	2.075.682.948.815
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(103.931.134.350)	(108.585.288.528)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(35.843.860.738)	(34.506.630.629)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.717.698.629)	(3.937.095.891)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(63.819.826.017)	(62.740.380.905)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		61.412.020.075	100.940.856.446
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.405.693.031.490)	(1.788.741.119.302)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		176.003.451.479	178.113.290.006
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(756.917.436)	(4.418.072.860)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	(3.000.000.000)	(10.550.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.051.985.942	9.682.290.907
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.295.068.506	(5.285.781.953)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay		100.000.000.000	100.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(120.000.000.000)	(100.000.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.11	(248.000.000.000)	(258.989.848.118)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(268.000.000.000)	(258.989.848.118)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(87.701.480.015)	(86.162.340.065)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	366.036.087.471	452.198.427.536
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	278.334.607.456	366.036.087.471

Thành phố Đồng Xoài, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phan Thị Lan Chi



Nguyễn Xuân Cừ



Nguyễn Đăng Khoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2021 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xổ số Kiến thiết và các dịch vụ vui chơi có thưởng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có Trụ sở chính và Khách sạn Bombo – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước thành lập ngày 27 tháng 6 năm 2013.

Địa chỉ : Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Mã số : 3800100513-001



II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại:

- ❖ Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.
- ❖ Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp: Kế khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 12/04/2018 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định	Số năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
- Máy móc, thiết bị	5 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8
- Tài sản cố định khác	15 - 25

5.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất (QSDD) được xác định là gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất);

Chi trích khấu hao đối với QSDD xác định được thời hạn sử dụng; QSDD không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

❖ ***Phần mềm máy vi tính***

Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

6. Các khoản đầu tư tài chính

❖ ***Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ ***Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí sửa chữa và các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.



8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán / người mua trả tiền trước: là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;
- Các khoản phải trả khác: là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

10. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

11. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật và tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ.

Điều kiện trích lập: Trong kỳ trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

- Mức trích lập của Công ty phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập;

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi trả phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì được hoàn nhập vào thu nhập khác.

(Dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam).

12. Vốn chủ sở hữu

❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

❖ *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

❖ *Trích lập các quỹ*

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

- Trích 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển;
- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp;
- Phần lợi nhuận còn lại được nộp về ngân sách nhà nước.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được sự chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

(Thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp).

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép và doanh thu từ hoạt động tài chính;

Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

❖ *Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số*

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được ghi nhận là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động này được quản lý theo hai tiêu chí: “Doanh thu có thuế” và “Doanh thu chưa có thuế”

- “*Doanh thu có thuế*” là doanh thu đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giả.
- “*Doanh thu chưa có thuế*” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

❖ *Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số*

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

14. Các khoản chi phí

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được hạch toán vào chi phí các khoản phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu, riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh. Việc xác định chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

15. Chi phí Thuế Thu nhập hiện hành

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính



2. Các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Phước	46.714.770.645	45.600.986.313
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước	42.900.000.000	51.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hàm Nghi	40.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước	51.112.873.683	32.486.697.824
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Khởi	18.059.984.902	-
Cộng	203.787.629.230	154.987.684.137

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

3.1 Đầu tư Trái phiếu	490.000.000	490.000.000
3.2 Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	83.687.169.327	76.860.955.593
Cộng	84.177.169.327	77.350.955.593

3.1 Đầu tư Trái phiếu

Khoản đầu tư vào 49 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có mệnh giá: 10.000.000 Đồng/ trái phiếu; ngày phát hành trái phiếu 19/12/2018; thời hạn trái phiếu là 10 năm; trả lãi sau.

3.2 Các khoản tiền gửi có kỳ hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước	17.282.346.992	16.822.070.136
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	64.130.676.367	57.896.496.415
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước	2.274.145.968	2.142.389.042
Cộng	83.687.169.327	76.860.955.593

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền vé số còn phải thu của các đại lý	109.138.880.566	106.808.956.783
+ Mai Hữu Ảnh	11.973.097.358	10.958.602.623
+ Hà Thị Thùy Trang	4.826.307.800	4.516.934.842
+ Nguyễn Đức Dũng	3.572.354.816	3.964.215.258
+ Trần Văn Sang	4.226.593.385	3.559.931.605
+ Nguyễn Phú Thương	3.274.989.326	3.262.230.036
+ Nguyễn Khắc Duy	3.431.026.574	3.749.542.335
+ Trần Công Hội	2.750.545.236	2.666.870.505
+ Trần Diễm Trang	2.614.922.336	2.096.780.040
+ Trần Vũ Anh Đào	2.501.278.864	2.234.423.502
+ Bùi Thị Xuân Kiều	2.498.070.700	2.204.457.575
+ Bùi Văn Nghĩa	2.671.796.750	2.276.317.690
+ Phan Văn Thái	2.538.075.744	1.968.797.834
+ Huỳnh Trần Nguyên Vũ	1.946.085.944	2.021.321.069
+ Hứa Kim Hùng	2.289.495.040	1.704.759.000
+ Các đại lý khác	58.024.240.693	59.623.772.869
- Thuế TNDN nộp thay đại lý còn phải thu	-	1.238.635.671
- Phải thu khách hàng Khách sạn Bom Bo	541.171.000	1.035.602.000
Cộng	109.680.051.566	109.083.194.454

2-0
TNI
10A)
M V
IANG
H P
MINI
50

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Quảng cáo và Truyền thông Sao Việt	264.000.000	-
- Trái cây Đồng Xoài	235.500.000	-
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TP.HCM	44.000.000	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	40.000.000	40.000.000
- Công ty TNHH XD Cầu đường Cẩm Xuyên	-	722.208.800
- Công ty TNHH May thuê giấy An Phước	-	396.796.400
- Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển HQ	-	191.100.000
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An	-	40.000.000
- Các đối tượng khác	-	69.715.658
Cộng	583.500.000	1.459.820.858

6. Các khoản phải thu khác

- Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dự thu	81.728.664	77.895.952
- Tạm ứng cho nhân viên	154.137.000	67.000.000
- Các đối tượng khác	609.839.671	1.009.370.246
Cộng	845.705.335	1.154.266.198

7. Hàng tồn kho

- Nguyên vật liệu	226.632.109	186.812.691
- Công cụ, dụng cụ	1.092.831.486	155.376.941
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.580.000.000	3.166.800.000
- Hàng hoá	20.166.090	26.735.884
Cộng	2.919.629.685	3.535.725.516

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Phí bảo hiểm	2.767.777.677	4.313.389.378	4.410.942.470	2.670.224.585
- Quảng cáo	3.456.650.000	15.137.181.818	12.238.665.152	6.355.166.666
- Chi phí sửa chữa	94.500.000	364.628.637	318.719.056	140.409.581
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	38.754.336	732.845.454	481.895.599	289.704.191
- Chi trang phục	152.817.500	837.854.000	990.671.500	-
- Chi phí khác	-	32.780.000	32.780.000	-
Cộng	6.510.499.513	21.418.679.287	18.473.673.777	9.455.505.023

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập cá nhân	2.118.142.966	-
- Tiền thuê đất	-	6.364.794
Cộng	2.118.142.966	6.364.794

10. Phải thu dài hạn khác **22.000.000** **22.000.000**

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

11. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Số đầu năm		79.812.131.947	35.137.976.396	3.937.171.245	4.879.283.199	11.113.735.864	134.880.298.651
- Đầu tư XD CB hoàn thành		-	1.827.169.200	-	-	-	1.827.169.200
- Phân loại lại		910.679	(393.588)	-	15.398	(532.489)	-
- Giảm khác (*)		(1.543.182.524)	(4.665.635.356)	-	(1.715.824.000)	(207.908.417)	(8.132.550.297)
- Số cuối năm		78.269.860.102	32.299.116.652	3.937.171.245	3.163.474.597	10.905.294.958	128.574.917.554
Giá trị hao mòn							
- Số đầu năm		13.222.468.589	27.538.422.021	2.993.378.679	3.977.779.743	4.796.036.972	52.528.086.004
- Khấu hao trong năm		1.678.195.164	1.386.970.072	309.016.920	443.627.606	635.804.304	4.453.614.066
- Phân loại lại		1.183.511.565	(568.978.890)	-	19.991.275	(634.523.950)	-
- Giảm khác (*)		(429.347.513)	(4.581.466.341)	-	(1.715.824.000)	(129.501.200)	(6.856.139.054)
- Số cuối năm		15.654.827.805	23.774.946.862	3.302.395.599	2.725.574.624	4.667.816.126	50.125.561.016
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm		66.589.663.358	7.599.554.375	943.792.566	901.503.456	6.317.698.892	82.352.212.647
- Tại ngày cuối năm		62.615.032.297	8.524.169.790	634.775.646	437.899.973	6.237.478.832	78.449.356.538

Ban thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2021

- (*) Trong năm, Công ty đã thanh lý các tài sản cố định, công cụ dụng cụ bị mất mát, hư hỏng tại Chi nhánh Khách sạn Bombo căn cứ kết quả kiểm kê theo Quyết định số 528/QĐ-XSBP ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước.

12. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [a]	Phần mềm máy vi tính [b]	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số đầu năm		14.475.500.000	1.155.250.000	15.630.750.000
- Số cuối năm		14.475.500.000	1.155.250.000	15.630.750.000
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm		-	971.412.500	971.412.500
- Khấu hao trong năm		-	144.406.252	144.406.252
- Số cuối năm		-	1.115.818.752	1.115.818.752
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm		14.475.500.000	183.837.500	14.659.337.500
- Tại ngày cuối năm		14.475.500.000	39.431.248	14.514.931.248
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng				
- Tại ngày đầu năm		-	-	-
- Tại ngày cuối năm		-	839.800.000	839.800.000

[a] Giá trị Quyền sử dụng đất lâu dài tại số: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM (Trạm giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh).

[b] Phần mềm máy tính là phần mềm kế toán và phần mềm quản lý vé số tự chọn.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	103.009.091
- Chi phí khác	-	95.011.454
Cộng	-	198.020.545

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2021

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.500.000.000	12.500.000.000
---	-----------------------	-----------------------

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cơ sở hạ tầng Bình Phước, số lượng cổ phiếu nắm giữ: 12.500 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu: 1.000.000 Đồng/cổ phiếu, chiếm tỷ lệ sở hữu 8,33% vốn Điều lệ của Công ty được đầu tư.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Chi phí sửa chữa	1.535.624.225	484.714.800	1.055.311.021	965.028.004
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	111.185.699	730.066.000	312.813.375	528.438.324
Cộng	1.646.809.924	1.214.780.800	1.368.124.396	1.493.466.328

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xí nghiệp in Tài chính	878.900.000	693.000.000
- Công ty TNHH XD Cầu đường Cẩm Xuyên	242.371.600	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng 19	38.817.600	38.817.600
- Công ty TNHH Công nghệ và Truyền thông quốc tế Incomtech	31.545.300	13.545.300
- Công ty Cổ phần TM DV QT Thăng Long	-	213.130.000
- Công ty TNHH MTV Nhâm Hữu	-	247.828.250
- TT Kiểm định chất lượng XD Đắk Nông	-	56.498.000
- Công ty TNHH MTV TM TV ĐT XD Minh Đức	-	55.000.000
- Công ty TNHH MTV TM DV TV ĐT Thiên Phát	-	68.400.000
- Các đối tượng khác	79.628.298	90.045.514
Cộng	1.271.262.798	1.476.264.664

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2021

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế TNCN nộp thừa còn phải trả đại lý	1.140.897.643	-
- Khách hàng Khách sạn Bom Bo trả trước tiền thuê phòng, đặt tiệc	47.572.273	11.650.000
Cộng	1.188.469.916	11.650.000

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	19.721.285.438	178.863.243.758	187.821.880.593	10.762.648.603
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	27.312.526.202	238.378.224.902	250.358.293.397	15.332.457.707
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	48.769.342.087	62.583.759.623	63.819.826.017	47.533.275.693
- Thuế Thu nhập cá nhân	8.637.823.893	56.256.442.757	67.012.409.616	(2.118.142.966)
<i>Trong đó:</i>				
+ Thuế TNCN từ trúng thưởng	7.305.105.811	41.859.880.000	48.322.425.811	842.560.000
+ Thuế TNCN Đại lý xổ số	1.512.146.221	12.635.613.446	15.921.426.637	(1.773.666.970)
+ Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công	(179.428.139)	1.760.949.311	2.768.557.168	(1.187.035.996)
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(6.364.794)	375.288.926	368.221.352	702.780
- Lệ phí môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	177.982.014.134	158.238.150.298	248.000.000.000	88.220.164.432
Cộng	282.416.626.960	694.700.110.264	817.385.630.975	159.731.106.249
<i>Trong đó:</i>				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	282.422.991.754			161.849.249.215
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.9)	(6.364.794)			(2.118.142.966)

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 15% trên giá vé phát hành (sau khi loại trừ thuế GTGT).

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo các hợp đồng thuê đất sau:

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TĐ ngày 25/01/2000 với Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình được điều chỉnh bằng Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐTĐ/DC1/2000 ngày 03/11/2017 để thuê đất cho diện tích đất làm trụ sở Công ty tại số 725, quốc lộ 14, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước:

Diện tích đất thuê: 3.644 m².

Thời gian sử dụng: 50 năm từ ngày 09/04/1997.

Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê hàng năm.

Giá tiền thuê đất: 304.841.941 đồng/năm, được áp dụng ổn định 05 năm từ ngày 28/9/2017 đến ngày 27/9/2022.

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất làm Khách sạn Bom Bo tại Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước:

Mục đích thuê: Xây dựng khu dịch vụ khách sạn

Diện tích đất thuê: 2.094,20 m²

Thời gian sử dụng: 50 năm (đến ngày 27/10/2060)

Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê hàng năm.

Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách

Là khoản phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

Các khoản thuế khác

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thay đại lý: 5% trên khoản tiền hoa hồng và phí ủy quyền trả thưởng chi cho đại lý.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

	Số cuối năm	Số đầu năm
19. Phải trả người lao động	4.497.517.859	9.934.006.836

Các khoản thu nhập còn phải trả cho người lao động trong Công ty.

Quỹ lương của Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý trong công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đồng ý tiếp nhận và phê duyệt tại Công văn số 603/UBND-KGVX ngày 21/3/2022 về việc tiếp nhận và phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Công ty.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn	122.958.904	86.794.520
--------------------------------------	--------------------	-------------------

Trích trước chi phí lãi vay.

21. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả chi phí ủy quyền trả thưởng	76.998.018	193.117.148
- Kinh phí công đoàn	97.591.976	97.591.976
- Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	100.000
Cộng	224.589.994	340.809.124

22. Vay và nợ ngắn hạn

30.000.000.000 50.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2021/853329/HĐTD ngày 30 tháng 9 năm 2021 với các nội dung sau:

- Hạn mức vay : 70.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
- Thời hạn vay : 06 tháng kể từ ngày giải ngân
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động
- Lãi suất cho vay : Được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Nhà làm việc chính của Công ty tại địa chỉ khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/853329/HĐTC ngày 11/5/2020 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước. Giá trị định giá tài sản thế chấp: 6.208.000.000 Đồng.

23. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Bổ sung từ lợi nhuận	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	7.306.771.950	2.511.443.259	384.760.000	9.433.455.209
- Quỹ Phúc lợi	7.196.438.765	5.860.034.270	2.558.600.000	10.497.873.035
- Quỹ Khen thưởng cho Người quản lý	403.162.500	236.006.042	330.480.000	308.688.542
Cộng	14.906.373.215	8.607.483.571	3.273.840.000	20.240.016.786

24. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Khoản dự phòng rủi ro trả thưởng được trích theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017. Tình hình biến động trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	72.836.554.900	50.836.554.900
- Trích trong năm	-	22.000.000.000
- Hoàn nhập trong năm	(13.136.554.900)	-
- Số cuối năm	59.700.000.000	72.836.554.900

25. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	Năm trước				
25.1	Vốn góp của chủ sở hữu	244.500.000.000	-	-	244.500.000.000
25.2	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
25.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	192.358.025.761	192.358.025.761	-
	Cộng	244.500.000.000	192.358.025.761	192.358.025.761	244.500.000.000
	Năm nay				
25.1	Vốn góp của chủ sở hữu	244.500.000.000	-	-	244.500.000.000
25.2	Quỹ đầu tư phát triển	-	71.500.000.000	-	71.500.000.000
25.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	238.345.633.869	238.345.633.869	-
	Cộng	244.500.000.000	309.845.633.869	238.345.633.869	316.000.000.000

25.1. Vốn góp của chủ sở hữu

Đến ngày 31/12/2021, Chủ sở hữu đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 28/8/2019, số tiền: 244.500.000.000 đồng.

25.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	238.345.633.869	192.358.025.761
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(238.345.633.869)	(192.358.025.761)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(71.500.000.000)	-
+ Trích Quỹ Khen thưởng cho Người quản lý	(236.006.042)	(367.200.000)
+ Trích Quỹ Khen thưởng	(2.511.443.259)	(3.002.343.488)
+ Trích Quỹ Phúc lợi	(5.860.034.270)	(7.005.468.139)
+ Lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước	(158.238.150.298)	(181.983.014.134)
- Lợi nhuận năm nay chuyển năm sau	-	-

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021, số liệu này sẽ được điều chỉnh khi có phê duyệt chính thức của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

		ĐVT: Đồng	
		Năm nay	Năm trước
26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
-	Tổng doanh thu	1.834.067.619.822	2.237.315.086.177
+	Doanh thu kinh doanh xổ số	1.827.566.390.908	2.223.947.945.455
*	<i>Xổ số truyền thống</i>	<i>1.811.971.290.909</i>	<i>2.204.265.045.454</i>
*	<i>Xổ số tự chọn</i>	<i>15.595.099.999</i>	<i>19.682.900.001</i>
+	Doanh thu bán phế liệu	1.416.399.011	826.045.441
+	Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	5.084.829.903	12.541.095.281
-	Các khoản giảm trừ doanh thu	238.378.224.902	290.080.166.796
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt	238.378.224.902	290.080.166.796
*	<i>Xổ số truyền thống</i>	<i>236.344.081.423</i>	<i>287.512.832.014</i>
*	<i>Xổ số tự chọn</i>	<i>2.034.143.479</i>	<i>2.567.334.782</i>
-	Doanh thu thuần	1.595.689.394.920	1.947.234.919.381
Trong đó:			
+	Doanh thu kinh doanh xổ số	1.589.188.166.006	1.933.867.778.659
+	Doanh thu bán phế liệu	1.416.399.011	826.045.441
+	Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	5.084.829.903	12.541.095.281

10384
CÔNG TY
KIỂM
ÁN T,
CHỈ NI
VI THÁ
Ổ CHỈ
TPP

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2021

27. Chi phí kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí kinh doanh xổ số	1.199.017.448.579	1.578.078.192.069
+ Chi phí trả thưởng	857.408.139.000	1.152.054.696.000
* Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	847.029.800.000	1.137.618.500.000
* Chi phí trả thưởng xổ số tự chọn	10.378.339.000	14.436.196.000
+ Chi phí trực tiếp phát hành	341.609.309.579	426.023.496.069
* Chi phí cho các đại lý	303.031.139.778	368.886.638.792
* Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	1.015.377.276	1.504.022.731
* Chi phí chống số đề	230.000.000	381.000.000
* Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	-	22.000.000.000
* Chi phí về vé xổ số	-	106.898.182
* Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	594.392.525	758.136.364
* Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực	60.000.000	60.000.000
* Chi phí phát hành vé	36.678.400.000	32.326.800.000
- Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán	7.252.506.957	9.973.038.014
+ Giá vốn từ kinh doanh khách sạn Bom Bo	7.252.506.957	9.973.038.014
Tổng cộng	1.206.269.955.536	1.588.051.230.083

28. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi ngân hàng	9.349.692.388	8.710.346.201
- Lãi đầu tư trái phiếu	32.340.000	38.220.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.500.000.000	4.582.000.000
Cộng	11.882.032.388	13.330.566.201

29. Chi phí tài chính

3.753.863.013 3.794.849.315

Chi phí lãi vay ngân hàng.

CÔNG TY TNHH MTV XÔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2021

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
-		
- Chi phí nhân viên quản lý	55.641.091.253	68.892.215.456
- Chi phí vật liệu quản lý	1.482.415.332	1.281.541.618
- Chi phí đồ dùng văn phòng	817.232.953	1.369.904.577
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.344.600.594	1.444.322.353
- Thuế, phí và lệ phí	369.696.604	452.028.343
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.090.362.372	12.635.536.046
- Chi phí bằng tiền khác	42.535.234.757	39.987.679.007
Cộng	108.280.633.865	126.063.227.400

31. Thu nhập khác

- Thu hoàn nhập dự phòng rủi ro trả thưởng	13.136.554.900	-
- Thu thù lao thu hộ vé	158.303.638	122.909.094
- Xử lý nợ phải trả	95.352.216	-
- Thu phí dịch vụ SMS	37.272.728	109.090.910
- Thu nhập khác	18.615.323	32.979.466
Cộng	13.446.098.805	264.979.470

32. Chi phí khác

- Chi thù lao thu hộ vé	116.384.671	112.736.673
- Phạt chậm nộp	-	640.653.733
- Xử lý tài sản Khách sạn Bombo	1.276.411.243	-
- Xử lý nợ phải thu	242.752.658	-
- Chi phí bán giấy phế liệu	48.500.000	36.400.000
- Chi phí khác	99.631.635	4.000.000
Cộng	1.783.680.207	793.790.406



33. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	300.929.393.492	242.127.367.848
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	14.493.237.333	9.654.861.096
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	(2.500.000.000)	(4.582.000.000)
- Trừ (-) thu nhập chưa tính thuế	(81.728.664)	(77.895.952)
- Cộng (+) thu nhập năm trước chưa tính thuế	77.895.952	75.948.858
- Tổng thu nhập chịu thuế	312.918.798.113	247.198.281.850
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN theo thuế suất	62.583.759.623	49.439.656.370
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	329.685.717
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	62.583.759.623	49.769.342.087

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản cam kết dài hạn

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo các hợp đồng thuê đất sau:

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/ĐĐ ngày 25/01/2000 với Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình được điều chỉnh bằng Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐĐĐ/ĐC1/2000 ngày 03/11/2017 để thuê đất cho diện tích đất làm trụ sở Công ty tại số 725, quốc lộ 14, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước:

Diện tích đất thuê: 3.644 m².

Thời gian sử dụng: 50 năm từ ngày 09/4/1997.

Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê hàng năm.

Giá tiền thuê đất: 304.841.941 Đồng/năm, được áp dụng ổn định 05 năm từ ngày 28/9/2017 đến ngày 27/9/2022.



- ❖ Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất làm Khách sạn Bom Bo tại Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước:

Mục đích thuê:	Xây dựng khu dịch vụ khách sạn
Diện tích đất thuê:	2.094,20 m ²
Thời gian sử dụng:	50 năm (đến ngày 27/10/2060)
Hình thức thuê đất:	Trả tiền thuê hàng năm.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty đã điều chỉnh Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 theo Công văn số 603/UBND-KGVX ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc tiếp nhận và phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Công ty TNHH MTV Xổ sổ kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập từ lương, thưởng của các thành viên Ban quản lý, điều hành Công ty phát sinh trong kỳ là 2.866.965.403 Đồng.

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2021

Các văn bản luật ban hành trong năm có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 sau đây:

- Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/03/2021 của Chính phủ Hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19.
- Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ban hành ngày 19/4/2021 của Chính phủ về việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021.
- Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/09/2021 của Chính Phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2021

- Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Thành phố Đồng Xoài, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Phan Thị Lan Chi

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Cử

Giám đốc



Nguyễn Đăng Khoa